# Overview

|  |  |
| --- | --- |
| **User Story** | **Priority** |
| 1. List of Forwarder | 10 |
| 1. Adding Forwarder | 9 |
| 1. Adding Contact | 8 |
| 1. Update/Delete Forwarder | 7 |

* *Priority: descending from 10 -> 1*

# List of Forwarder

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Theme** | | Admin | |
| **Epic** | | Forwarder | |
| **Story Title:** | | Forwarder – Forwarder List | |
| **Story ID:** | | AD01 | |
| **Scenario:** | | As a <Factory>, I can <Xem danh sách Forwarder> so that   * <xem tất cả thông tin của từng Forwarder> * <Tìm kiếm Forwarder> | |
| **Estimation**: 1 Points | | | **Priority**: 10 |
|  | | |  |
|  | |
| **Conditions of satisfaction**: | | |
| * Xem được tất cả thông tin của từng Forwarder bao gồm: Tên, Contact * Tìm kiếm Forwarder | | |

|  |
| --- |
| **Example:** |
| * Data table format  |  |  | | --- | --- | | **FORWARDER (1)** | **CONTACT (2)** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Business Rules:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Column** | **Name** | **Meaning** | | (1) | Search | * Có chức năng Search dữ liệu | | (2) | Create | * Có chức năng Create Forwarder | | (3) | Select Option | * Có chức năng select số lượng dữ liệu trong 1 trang | | (4) | Forwarder | * Hiển thị tên Forwarder | | (5) | Sort data Forwarder | * Sort data theo thứ tự tăng dần or giảm dần | | (6) | Contact | * Hiển thị contact của Forwarder: Name, Address, Telephone, Country, Province, Zip Code, Email | | (7) | Sort data Contact | * Sort data theo thứ tự tăng dần or giảm dần | | (8) | Filter Forwarder | * Có chức năng tìm kiếm theo Forwarder | | (9) | Filter |  | | (10) | Pageing Informaton | * Hiển thị số lượng Forwarder trong 1 trang | | (11) | Pageing | * Next: Next Page * Previous: Previous Page * First:về trang đầu của Page * Last: tới trang cuối của Page | |

|  |
| --- |
| **Impacts on Existing Functions / Documentation / Architecture / Constraints:** |
|  |
|  |
|  |
|  |

|  |
| --- |
| Mock-up: |

|  |
| --- |
| Test cases Outlines: |
| 1. Test UI    * Hiển thị khởi tạo màn hình    * Các item trên màn hình nằm đúng vị trí và giá trị Default so với thiết kế 2. Testing Data Grid    * Có Button Create    * Có thực hiển mở Sort cụ thể khi mở trang Default    * Lable của các trường nên theo đúng tiêu chuẩn    * Giữa Lable của trường, cột hàng cần có khoảng trống đầy đủ    * Tất cả các trường như text box nên được chỉnh thẳng hàng    * ~~Tex Box miêu tả hiển thị thành nhiều dòng~~    * Kiểm tra chức năng sort page sau khi thực hiện add/edit/delete record    * Khi Click vào các trường hợp nhập text thì mũi tên của con chuột nên chuyển sang dấu nháy    * Các dòng text nên được căn chỉnh thẳng hàng về bên trái    * Trang phải có title    * User có thể Filter các kết quả sử dụng các parameter trên website    * Chức năng tìm kiếm lọc nên load tất cả các trang search với tất cả các User đã lựa chọn search parameter    * Có chức năng paging Information    * Có Next/Previous button    * Có First/Last button 3. Test hiển thị Datagrid và phân trang    * datagrid chỉ hiển thị tối đa 10 records, nếu hơn 10 records thì hiển thị scroll dọc      + Search không có data (0 record) => datagrid chỉ hiển thị header và không hiển thị scroll dọc      + Search có 1 record => datagrid hiển thị header và 1 dòng record, các cột tương ứng với các field trong DB và không hiển thị scroll dọc      + Search có 10 records => datagrid hiển thị header và 10dòng và không hiển thị scroll dọc    * datagrid chỉ hiển thị tối đa 20 records, nếu hơn 20 records thì hiển thị phân trang      + Search không có data (0 record) => datagrid chỉ hiển thị header, button Previous và Next disable      + Search có 1 record => datagrid hiển thị header và 1 dòng record, các cột tương ứng với các field trong DB, button Previous và Next disable      + Search có 20 records => datagrid hiển thị header và 20 dòng, button Previous và Next disable      + Search có 21 records => datagrid hiển thị header và 20 dòng (record 1 đến 20), button Previous disable và button Next enable 4. Search    * Nhấn vào Search    * Nhập Forwarder cần tìm kiếm    * Hiển thị Forwarder đã tìm kiếm    * Nhập Contact cần tìm kiếm    * Hiển thị Contacr đã tìm kiếm 5. Filter    * Tìm kiếm theo từng ô Filter      + Nhấn vào ô Filter của Forwarder      + Nhập Forwarder muốn tìm kiếm      + Hiển thị dữ liệu đã tìm kiếm      + Nhập Forwarder không có trong danh sách      + Không hiển thị dữ liệu      + Nhấn vào Filter của Contact      + Nhập dữ liệu muốn tìm      + Hiển thị dữ liệu đã tìm kiếm theo contact      + Nhập Contact không có trong danh sách      + Không hiển thị dữ liệu    * Tìm kiếm theo 2 ô Filter      + Nhập Forwarder vào ô Filter , nhập Contact vào ô Filter      + Hiển thị dữ liệu như đã tìm kiếm      + Nhập Forwarder vào ô Filter , Nhập Contact không có trong danh sách vào ô Filter      + Không hiển thị dữ liệu      + Nhập Forwarder không có trong danh sách vào ô Filter, Nhập Contact có trong danh sách vào ô Filter      + Không hiển thị dữ liệu      + Nhập Forwarder không có trong danh sách vào ô Filter, Nhập Contact không có trong danh sách vào ô Filter      + Không hiển thị dữ liệu 6. Sort Data    * + Nhấn vào Sort Forwarder      + Sort từ lớn đến nhỏ        - Dữ liệu hiển thị theo thứ tự từ Z-A      + Sort dữ liệu nhỏ đến lớn        - Dữ liệu hiển thị theo thứ tự từ A-Z      + Nhấn vào Sort Shipment Type      + Sort từ lớn đến nhỏ        - Dữ liệu hiển thị theo thứ tự từ Z-A      + Sort dữ liệu nhỏ đến lớn        - Dữ liệu hiển thị theo thứ tự từ A-Z |

# Adding Forwarder

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Theme** | | Admin | |
| **Epic** | | Forwarder | |
| **Story Title:** | | Forwarder – Adding Forwarder | |
| **Story ID:** | | AD02 | |
| **Scenario:** | | As a <Factory>, I can <Tạo Forwarder > so that<Lưu Forwarder> | |
| **Estimation**: 1 Points | | | **Priority**: 9 |
|  | | |  |
|  | |
| **Conditions of satisfaction**: | | |
| * Tạo và lưu từng Forwarder | | |

|  |
| --- |
| Example: |
| * Form format   **Forwarder (1)**  **Contact (2)**  Add/Update (3)  Refresh (4) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Business Rules:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Column** | **Name** | **Meaning** | | (1) | Forwarder | * Nhập tên Forwarder | | (2) | Contact | * Nhấn vào Add Contact nhập dữ liệu, Contact hiển thị | | (3) | Add Update | * Button Add/Update dùng để lưu dữ liệu | | (4) | Refresh | * Button Refresh dùng để xóa dữ liệu vừa nhập ở Forwarder | |

|  |
| --- |
| **Impacts on Existing Functions / Documentation / Architecture / Constraints:** |
|  |
|  |
|  |
|  |

|  |
| --- |
| Mock-up: |
|  |
|  |

|  |
| --- |
| Test cases Outlines: |
| 1. Test UI    * Hiển thị Popup    * Các item trên màn hình nằm đúng vị trí và giá trị Default so với thiết kế 2. Testing Data Grid    * Có trường để nhập text của Forwarder    * Có trường để nhập text của Contact    * Có button add contact    * Có button Add/Update    * Có button Refresh    * Tất cả các trường bắt buộc phải được validate và phải được chỉ định bằng dấu hoa thị \*    * Các trường dropdown nên có giá trị nhập vào đầu tiên là blank hoặc dòng text như 'Select'    * Những trường nhập vào nên có check giá trị tối đa. Việc nhập giá trị lớn hơn giá trị tối đa sẽ không được chấp nhận hoặc không được lưu vào trong database    * Kiểm tra xử lý khi nhập giá trị chữ vào các trường số. Cần hiển thị ra message validate hợp lý    * Kiểm tra hoạt động của button Add/Update , Button Refresh    * Các trường disable nên được bôi xám và user không thể click con trỏ vào những trường này    * Khi click vào các trường nhập text thì dấu mũi tên của con chuột nên được chuyển sang dấu nháy |
| 1. Test Behaviour    * Nhập dữ liệu      + Nhấn vào Create      + Nhập tên vào Forwarder      + Vào Database tạo dữ liệu Contact ảo    * Add/Update      + Sau khi nhập dữ liệu nhấn Add/Update      + Dữ liệu được lưu    * Refresh      + Nhập tên vào Forwarder      + Nhấn Refresh để xóa tên vừa nhập (khi chưa nhấn Add/Update) |

# Adding Contact

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Theme** | | Admin | |
| **Epic** | | Forwarder | |
| **Story Title:** | | Forwarder – Forwarder Adding contact | |
| **Story ID:** | | AD03 | |
| **Scenario:** | | As a <Factory>, I can <tạo contact của từng Forwarder> so that<Lưu contact của từng Forwarder> | |
| **Estimation**: 1 Points | | | **Priority**: 8 |
|  | | |  |
|  | |
| **Conditions of satisfaction**: | | |
| * Lưu contact của Forwarder: Name, Address,City, Telephone number, Country, Province, Zip code, Email | | |

|  |
| --- |
| **Example:** |
| * Form format   **Name**  **Address 1**  **Address 2**  **Address 3**  **City Province**    **Zip Code Country**    **Telephone Email**    **Notes** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Business Rules:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Column** | **Name** | **Meaning** | | (1) | Name | * Nhập tên | | (2) | Address 1 | * Nhập địa chỉ | | (3) | Address 2 | * Nhập đia chỉ khác (nếu có) | | (4) | Address 3 | * Nhập thêm địa chỉ khác (nếu có) | | (5) | City | * Nhập City | | (6) | Zip Code | * Nhập Zip Code | | (7) | Telephone | * Nhập số điện thoại | | (8) | Province | * Nhập Province (nếu có) | | (9) | Country | * Nhập Country | | (10) | Email | * Nhập địa chỉ Email | | (11) | Notes | * Nhập note (nếu muốn) | | (12) | Save | * Nhấn save để lưu dữ liệu | | (13) | Refresh | * Nhấn Refresh để xóa dữ liệu vừa nhập (khi chưa nhấn nút Save) | |

|  |
| --- |
| **Impacts on Existing Functions / Documentation / Architecture / Constraints:** |
|  |
|  |
|  |
|  |

|  |
| --- |
| Mock-up: |
|  |
|  |

|  |
| --- |
| Test cases Outlines: |
| * Test UI   + Hiển thị Popup   + Các item trên màn hình nằm đúng vị trí và giá trị Default so với thiết kế * Testing Data Grid   + Tất cả các trường bắt buộc phải được validate và phải được chỉ định bằng dấu hoa thị \*   + Các trường dropdown nên có giá trị nhập vào đầu tiên là blank hoặc dòng text như 'Select'   + Những trường nhập vào nên có check giá trị tối đa. Việc nhập giá trị lớn hơn giá trị tối đa sẽ không được chấp nhận hoặc không được lưu vào trong database   + Kiểm tra xử lý khi nhập giá trị chữ vào các trường số. Cần hiển thị ra message validate hợp lý   + Kiểm tra hoạt động của button Add/Update , Button Refresh   + Các trường disable nên được bôi xám và user không thể click con trỏ vào những trường này   + Khi click vào các trường nhập text thì dấu mũi tên của con chuột nên được chuyển sang dấu nháy   + Kiểm tra tất cả các trường nhập vào với ký tự đặc biệt |
| 1. Test Business    * Nhập đầy đủ dữ liệu      + Nhấn vào Create      + Nhập dữ liệu vào Name      + Nhập dữ liệu vào Address      + Nhập dữ liệu vào Address 2 (nếu có)      + Nhập dữ liệu vào Address 3 (Nếu có)      + Nhập tên City      + Nhập tên Province      + Nhập tên Country      + Nhập Zip Code      + Nhập Telephone      + Nhập Email      + Nhập Note (nếu muốn)    * Save      + Dữ liệu được lưu vào Contact    * Refresh      + Nhấn Refesh để xóa dữ liệu vừa nhập (khi chưa nhấn Save)    * Nhập không đủ dữ liệu      + Name: Có dữ liệu        - Nhập dữ liệu vào Name        - Nhấn Save        - Dữ liệu được lưu        - Nhập dữ liệu vào Name        - Nhập dữ liệu vào Address 1        - Nhập dữ liệu vào Telephone        - Nhập dữ liệu vào Country        - Nhấn Save        - Dữ liệu được lưu      + Name: không có dữ liệu      + Bỏ trống Name      + Nhập dữ liệu vào: Address 1, Address 2, Address 3, City, Country, Zipcode, Telephone, Email,Note      + Save: Disable |

# Updating/Deleting Forwarder

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Theme** | | Admin | |
| **Epic** | | Forwarder | |
| **Story Title:** | | Forwarder – Forwarder Edit - Delete | |
| **Story ID:** | | AD04 | |
| **Scenario:** | | As a <Factory>, I can <Edit and Delete Forwarder> so that   * <Thay đổi dữ liệu của từng Forwarder> * <Thay đổi thông tin của từng Contact> * <Xóa từng Forwarder> | |
| **Estimation**: 1 Points | | | **Priority**: 7 |
|  | | |  |
|  | |
| **Conditions of satisfaction**: | | |
| * Edit được dữ liệu của từng Forwarder và lưu lại sau khi chỉnh sửa * Edit được thông tin contact và lưu lại sau chỉnh sửa * Delete được từng Forwarder | | |

|  |
| --- |
| **Example:** |
| * Data Table format      |  |  |  | | --- | --- | --- | | **FORWARDER** | **CONTACT** | **ACSTIONS** |      * Form format   **Forwarder**      **Edit Contact**  **Contact**  **Add/Update** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Business Rules:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | (1) | Edit | * Nhấn Edit để thay đổi dữ liệu của từng Forwarder * Thay đổi dữ liệu của từng Contact | | (2) | Delete | * Nhấn Delete để xóa từng Forwarder | |

|  |
| --- |
| **Impacts on Existing Functions / Documentation / Architecture / Constraints:** |
|  |
|  |
|  |
|  |

|  |
| --- |
| Mock-up: |

|  |
| --- |
| Test cases Outlines: |
| 1. Test Ui    * Hiển thị khởi tạo màn hình    * Các item trên màn hình nằm đúng vị trí và giá trị Default so với thiết kế 2. Testing Data Grid    * Dòng tool tip text phải có ý nghĩa    * Việc xóa bất cứ record nào trong page nên có hiển thị message hỏi confirm có thật sự muốn xóa hay không |
| 1. Test Business    * Edit Forwarder      + Nhấn vào Forwarder      + Nhấn vào Edit một Forwarder      + Hiển thị Popup Edit      + Thay đổi tên Forwarder      + Thay đổi Contact      + Nhấn Add/Update      + Dữ liệu thay đổi được lưu    * Edit Contact      + Nhấn Edit 1 dữ liệu Forwarder      + Nhấn Edit Contact      + Thay đổi dữ liệu của: Name, Address, City,Country,Province,Telephone,Zip Code, Email      + Nhấn Save      + Dữ liệu thay đổi được lưu    * Delete Forwarder      + Nhấn vào Forwarder      + Nhấn Delete 1 Forwarder      + Forwarder được xóa |

# Mockup of Main Layout

|  |
| --- |
| Mock-up: |